

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VLVH ĐỢT 2 NĂM 2020

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Trang: 1

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	KV	ĐT	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM XÉT TUYỂN						XÉT ĐIỂM THPT QG	GHI CHÚ
								MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	TSD	ĐUT	TSDUT		
1	Trịnh Thị Vân	Anh	X	22/10/1992	3		B00	6.10	7.20	6.90	20.20		20.20		
2	Lê Văn	Bích	X	15/08/1999	2		A01	8.40	7.30	8.10	23.80	0.25	24.05		
3	Võ Tấn	Đạt		15/05/1995	3		B00	5.40	6.30	7.20	18.90		18.90		
4	Nguyễn Tiến	Dũng		24/06/1990	3		A00	5.10	6.20	3.90	15.20		15.20		
5	Trần Thái	Duy		08/09/1994	3	03	A00	8.80	8.50	8.40	25.70	2.00	27.70		
6	Nguyễn Thái Mỹ	Hân	X	15/08/2000	3		A01	7.10	5.70	6.30	19.10		19.10		
7	Trần Thiên	Hậu		09/07/2000	1		A01	7.50	6.90	7.80	22.20	0.75	22.95		
8	Đặng Minh	Hoàng		17/08/2002	2NT		A00	8.90	8.40	7.80	25.10	0.50	25.60		
9	Nguyễn Thị Thu	Hương	X	16/07/1995	2		A00	9.30	9.10	8.60	27.00	0.25	27.25		
10	Dương Hoàng An	Khang		01/11/1993	1		B00	9.00	7.60	7.50	24.10	0.75	24.85		
11	Nguyễn Quốc	Khởi		06/01/1994	1		B00	4.90	6.70	6.70	18.30	0.75	19.05		
12	Huỳnh	Lê		29/05/1992	2		B00	5.80	5.10	6.50	17.40	0.25	17.65		
13	Nguyễn Hùng	Mạnh		09/06/1998	1		A00	5.90	6.70	8.00	20.60	0.75	21.35		
14	Huỳnh Công	Mạnh		15/06/2002	2		B00	7.30	5.30	6.70	19.30	0.25	19.55		
15	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	X	14/08/1992	2NT		A01	6.10	7.20	5.00	18.30	0.50	18.80		
16	Nguyễn Văn	Nghĩa		13/07/1997	2		A00	5.80	6.80	6.80	19.40	0.25	19.65		
17	Trần Trọng	Hùng		02/11/1993	3		A00	6.20	7.20	6.90	20.30		20.30		
18	Trần Tấn	Phát		16/01/1992	2		B00	6.50	6.10	5.80	18.40	0.25	18.65		
19	Huỳnh Nhựt	Phi		27/06/1998	2		A01	6.60	6.10	6.00	18.70	0.25	18.95		
20	Nguyễn Huỳnh Đạt	Tài		17/09/1996	1		B00	8.50	8.30	8.80	25.60	0.75	26.35		
21	Phạm Quốc	Thái		04/08/1995	3	03	B00	6.00	5.60	5.80	17.40	2.00	19.40		
22	Nguyễn Phước	Thành		17/11/2002	2		B00	6.40	5.70	6.60	18.70	0.25	18.95		
23	Võ Quốc	Thịnh		11/04/1994	2		B00	6.00	5.90	6.30	18.20	0.25	18.45		
24	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn		11/01/1997	3		B00	4.90	6.20	6.60	17.70		17.70		

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	KV	ĐT	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM XÉT TUYỂN						XÉT ĐIỂM THPT QG	GHI CHÚ
								MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	TSĐ	ĐUT	TSĐUT		
25	Lê Thị Cẩm	Tuyển	X	25/04/1987	2		A01	4.80	6.30	6.00	17.10	0.25	17.35		
26	Đặng Quốc	Vinh		08/09/1999	2NT		B00	8.50	7.00	6.90	22.40	0.50	22.90		
27	Trần Nguyễn Nhật	Vy	X	02/04/2001	3		A00	6.90	6.50	5.50	18.90		18.90		
28	Ngô Thị	Xuyến	X	01/01/2001	3		D01	8.40	5.90	6.90	21.20		21.20		
29	Trần Lành Hải	Yến	X	08/08/1994	3		A01	5.40	6.40	8.00	19.80		19.80		
30	Lê Thị Hồng	Vân	X	14/05/2002	3		D01	8.30	6.20	6.80	21.30		21.30		
31	Giảng Phương	Trúc	X	11/09/2000	3		B00	6.50	6.20	5.90	18.60		18.60		
32	Phan Trọng	Nghĩa		24/01/2001	2NT		D01	5.75	5.00	2.40	13.15	0.50	13.65	X	
33	Hà Minh	Hạnh	X	04/03/2002	3	06	D01	6.75	2.20	5.00	13.95	1.00	14.95	X	
34	Huỳnh Nguyễn Thị Thủy	Tiên	X	31/12/2001	1		D01	6.80	5.80	6.30	18.90	0.75	19.65		
35	Phan Thanh	Tuyển		13/07/1998	3		A00	6.00	6.50	5.60	18.10		18.10		
36	Hồ Võ Quốc	Bảo		09/05/2002	3		A00	5.70	6.70	6.00	18.40		18.40		
37	Nguyễn Hồng	Thanh	X	13/12/2002	3		D01	7.70	7.60	6.40	21.70		21.70		
38	Nguyễn Ngô Chấn	Hào		06/02/2002	3		D01	7.20	8.70	6.10	22.00		22.00		
39	Phan Vũ Thanh	Toàn		07/06/2001	3		A00	7.00	8.30	8.10	23.40		23.40		
40	Trần Minh	Khánh		20/04/1998	3		B00	5.60	7.60	7.80	21.00		21.00		
41	Nguyễn Trâm	Anh	X	23/07/2002	3		D01	6.00	7.40	6.40	19.80		19.80	X	
42	Lưu Tuyết	Nhi	X	08/12/1997	1		A01	4.20	6.80	6.70	17.70	0.75	18.45		
43	Nguyễn Thanh	Long		10/01/1986	2NT		B00	5.20	5.80	6.70	17.70	0.50	18.20		
44	Lâm Quỳnh	Như	X	15/02/1980	3		A00	6.10	5.80	5.30	17.20		17.20		
45	Phùng Hoàng	Đạt		27/04/1999	3		D01	7.20	6.40	5.70	19.30		19.30		

Tổng cộng: 45 thí sinh

Ghi chú: - A00: Môn 1: Toán, Môn 2: Lý, Môn 3: Hóa
- B00: Môn 1: Toán, Môn 2: Hóa, Môn 3: Sinh

- A01: Môn 1: Toán, Môn 2: Lý, Môn 3: Tiếng Anh
- C00: Môn 1: Văn, Môn 2: Sử, Môn 3: Địa

- D01: Môn 1: Văn, Môn 2: Toán, Môn 3: Tiếng Anh

LẬP BẢNG



Nguyễn Văn Chiến

ỦY VIÊN HĐTS



Trịnh Trung Hưng



Hà Thanh Toàn